

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/10/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3+CLO	7:25	14+8	0+0		6+16	0+0	chuyen 3 ctk3-clo
2		P4+TD1	7:25	10+12	0+0		1+21	0+0	
3		PPD+TD1	9:25	15+7	0+0		13+9	0+0	
4		CLO+P1+PPD	9:25	4+3+14	0+0+0		2+2+18	0+0+0	chuyen 3 clo - p1
5		RCDM+BK20+CTK3	11:25	4+0+18	0+0+0		0+1+20	0+0+0	chuyen 3 bk20-ctk3
6		BK16+PPD	11:25	5+17	0+0		5+17	0+0	
7		P11-P8+AMD	13:25	1+4+17	0+0		0+1+20	0+0	
8		CTK3+GTCl+CTCl	13:25	13+9+0	0+0+0		13+6+3	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: CTK3 - CLO	CREW: HÙNG - HTrung - HIẾU	ETA: 09:20
XANH-1			

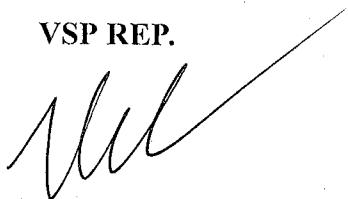
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM XUÂN HÒA	CTK3	76	1	13		80	YTE	Vietnamese
2	NGÔ PHẠM THANH HUY	CTK3	10-11	2	16		81	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN DŨNG	CTK3	12-13	2	12		56	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM MINH TUẤN	CTK3	71-72	2	9		74	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ANH TUẤN	CTK3	45	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC HIẾU	CTK3					74	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ANH ĐỨC	CTK3	68-69	2	7		71	KH-THAC	Vietnamese
8	TÔ TRỌNG TUẤN	CTK3	77	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM THANH HAI	CTK3	74-75	2	10		69	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HIẾU	CTK3	14	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐINH VĂN THÔNG	CTK3	100	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN MẠNH HÙNG	CTK3	73	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI CÔNG THẮNG	CTK3	78	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
14	TRINH VIỆT THẮNG	CTK3	70	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TRUNG	CLO	22	1	11	90	82	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ THÈ NANG	CLO	24	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN TƯỜNG LONG	CLO	19	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
18	ĐẶNG KIM DƯƠNG	CLO	23	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
19	VŨ VĂN LONG	CLO	25	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
20	LÊ VĂN LỸ	CLO	64	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
21	ĐỖ HUY BÌNH	CLO	20-21	2	9		77	KHOAN	Vietnamese
22	PHẠM NAM HAI	CLO	26-27	2	10		81	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

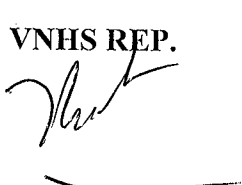
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	14	18	105	1.014	0	6	2	CHUYEN 3 PAX CTK3-CLO
2	CLO	8	10	55	586	90	16		
TOTAL		22	28	160	1.600	90	22		
WEIGHT KG				160	1.600	90			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

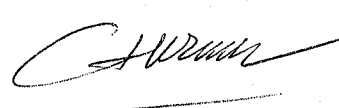
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/10/2023	TO: P4 - TD1	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: CHIẾN - VLinH - MQUÂN	ETA: 09:25
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUANG HUY	P4	77-78	2	12		65	KHI	Vietnamese
2	VU HUU CHINH	P4	07	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HUU HA	P4	05-06	2	19		75	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM ANH TUAN	P4	08-09	2	15		64	KH-THAC	Vietnamese
5	DUONG MANH PHU	P4	72-73	2	19	50	78	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN LUONG	P4	70-71	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGO TRI HUNG	P4	75-76	2	12		62	KH-THAC	Vietnamese
8	NGO VAN BAC	P4	74	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
9	LE XUAN TUAN	P4	10-11	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG NGOC TAN	P4	12	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
11	BADRETDINOV EDGAR	TD1	41	1	5		80	KHOAN	Russian
12	NGUYEN NHU BANG	TD1	42	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN DANH QUY	TD1					67	KHOAN	Vietnamese
14	MAI VAN HOI	TD1					67	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG VAN DUY	TD1	45	1	5	80	65	KHOAN	Vietnamese
16	LE VAN HOAN	TD1	43	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
17	VU DUC TOAN	TD1	38	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
18	PHAM MINH THANG	TD1	39	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
19	MAI ANH TUAN	TD1	46	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
20	TRINH CAO TRONG	TD1	44	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
21	TRAN MINH HOANG	TD1	40	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
22	UVAYSOV ABDULAKHI	TD1					100	KHOAN	RUS

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	10	17	122	688	50	1		
2	TD1	12	9	45	857	80	21		
TOTAL		22	26	167	1.545	130	22		
WEIGHT KG				167	1.545	130			

GRAND TOAL: 1.842 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	TO: PPD - TD1	CREW: HUNG - HTrung - HIÊU	ETA: 11:40
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ NGỌC TÂN	PPD	84	1	4	20	77	KHI	Vietnamese
2	VŨ MẠNH HUNG	PPD	900	1	2		75	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN HUY HOÀNG	PPD	83	1	7		74	KHI	Vietnamese
4	ĐỖ VĂN HOÀNG	PPD	86-87	2	12		70	KHI	Vietnamese
5	GALLIAMOV	PPD	90	1	7		70	KH-THAC	Russian
6	LÊ NGỌC SƠN	PPD	88	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN VĂN THẮNG	PPD	85	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN THANH QUANG	PPD	98	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN NHÂN	PPD	95-96	2	10		73	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN QUY	PPD	93-94	2	5		69	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC DŨ	PPD	89	1	9		67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TRƯỞNG GIA TRÍ	PPD	99	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	PPD	92	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN GIANG	PPD	91	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
15	TUÔNG ANH CẠC	PPD	97	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN AN BÌNH	TD1	55	1	4	4	69	D-HANH	Vietnamese
17	SHEREMETIEV A.V.	TD1	56	1	8	43	83	D-HANH	Russian
18	ĐOÀN TRỌNG TUÔNG	TD1	57	1	12		84	KH-THAC	Vietnamese
19	LÂM VĂN HẠNH	TD1	51	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ ANH TUẤN	TD1	52-53	2	20		75	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ BA HÒA	TD1	54	1	22		72	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN LƯU VŨ	TD1	59	1	5		72	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	15	18	89	1.053	20	13		
2	TD1	7	8	78	515	47	9		
TOTAL		22	26	167	1.568	67	22		
WEIGHT KG				167	1.568	67			

GRAND TOAL: 1.802 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/10/2023	TO: CLO - P1 - PPD	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: CHIẾN - VLinH - MQUÂN	ETA: 11:45
cam-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	YANCHENKO SERGEY	CLO	11	1	12		80	ANTOAN	Russian
2	BUI ĐỨC TRUNG	CLO	08-09	2	19		65	DVL	Vietnamese
3	NGUYEN TRONG HOANG	CLO	12-13	2	10		72	DVL	Vietnamese
4	PHẠM BA KHÁNH	CLO	10	1	8		90	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN HUY HOANG	P1	32-33	2	15		75	ANTOAN	Vietnamese
6	NGÔ MINH PHƯƠNG	P1	34-35	2	19		90	ANTOAN	Vietnamese
7	NGUYEN NGỌC CHÍNH	P1	31	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN VĂN TÂN	PPD	43	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN MINH HAI	PPD	68	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
10	LƯU VIỆT DŨNG	PPD	45-47	3	15		85	KH-THAC	Vietnamese
11	TÔ HIỀN THANH	PPD					65	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN MẠNH	PPD	44	1	5		45	KH-THAC	Vietnamese
13	TRƯỜNG TUẤN HÙNG	PPD	51	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	K L Y	PPD	49	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN MẠNH CUÔNG	PPD	53	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TRƯỜNG SƠN	PPD	09	1	5	90	76	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN VĂN ĐƯƠNG	PPD					58	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN THANH BÌNH	PPD	48	1	10		86	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN QUỐC VIỆT	PPD	52	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN ĐỨC MẠNH	PPD	50	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐÔNG VĂN THỊNH	PPD	54	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	4	6	49	307	0	2		CHUYEN 3 PAX CLO-P1
2	P1	3	5	49	235	0	2		
3	PPD	14	14	75	1.003	90	18		
TOTAL		21	25	173	1.545	90	22		
WEIGHT KG				173	1.545	90			

GRAND TOAL: 1.808 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:10
FLIGHT: 5	TO: RCDM - BK20 - CTK3	CREW: Linh - N.ANH - Vũ	ETA: 14:00
xanh-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ TRẦN TRUNG	RCDM	33	1	15		72	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
2	LÊ MINH SỸ	RCDM	32	1	8	60	72	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
3	QUÁCH SỸ TỶ	RCDM	34-35	2	12	60	65	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC TUẤN	RCDM	36-37	2	18		75	ĐK9	Vietnamese
5	PHẠM CÔNG ƯỐC	CTK3	29	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM VĂN ĐIỂM	CTK3	22	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN MINH ĐIỆN	CTK3	18	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ TRƯỜNG AN	CTK3	48	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN ĐỨC BÀU	CTK3	42	1	8		56	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TUẤN ANH	CTK3	06-07	2	12		63	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN TRUNG KIẾN	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN NHÂN KHANH	CTK3	12	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI THANH HOẠT	CTK3	51	1	9		67	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN TRUNG THANH	CTK3	13-14	2	10		79	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ TRỌNG NGHĨA	CTK3	21	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
16	TRƯƠNG VĂN HAI	CTK3	17	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ VĂN TIẾN	CTK3	23	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRƯỜNG BIÊN	CTK3	61	1	12		74	XAYLAP	Vietnamese
19	LÊ XUÂN HIỀN	CTK3	52,54	2	16		58	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN VĂN NAM	CTK3	41	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN VĂN HÙNG	CTK3	43,55	2	19		63	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN HỮU	CTK3	46,51	2	16		64	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

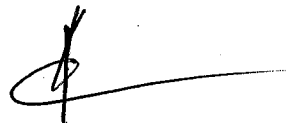
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	4	6	53	284	120	0		CHUYEN 3 PAX BK20-CTK3
2	BK20	0	0	0	0	0	1	13	
3	CTK3	18	22	167	1.245	0	21		
TOTAL		22	28	220	1.529	120	22		
WEIGHT KG				220	1.529	120			

GRAND TOAL: 1.869 KGS

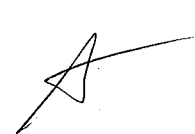
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/10/2023	TO: BK16 - PPD	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Dương - ĐNam - QTrưởng	ETA: 14:05
CAM-3			

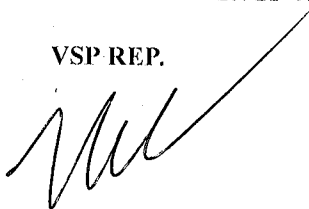
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU VAN SON	BK16	13	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN LIU	BK16	12	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HIEU TRUNG	BK16	10	1	5	20	79	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM VAN HA	BK16	15	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
5	VU DINH CHIEN	BK16	11	1	10		70	PSV	Vietnamese
6	ARTYUSHIN SERGEY	PPD	38	1	13		89	ANTOAN	Russian
7	NGUYEN KHAC HOANG	PPD	52-53	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
8	MAI TRONG HAI	PPD	49-50	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
9	DO VAN BINH	PPD	51	1	10		69	XAYLAP	Vietnamese
10	LE PHAM TUAN HOANG	PPD	46-47	2	15		56	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN HO QUANG	PPD	44	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
12	PHUNG VAN PHUONG	PPD	45	1	8		62	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN VAN NAM	PPD					55	PSV	Vietnamese
14	TRAN MINH THUAN	PPD	48	1	5	60	70	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN DINH AN	PPD	55	1	8		56	PSV	Vietnamese
16	TRAN MAU SON	PPD	39	1	4		71	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC LINH	PPD	41	1	5		70	PSV	Vietnamese
18	TA QUANG PHUC	PPD	43	1	7		106	PSV	Vietnamese
19	HOANG XUAN DONG	PPD	42	1	7		60	PSV	Vietnamese
20	THACH BANE	PPD	40	1	7		67	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN VAN SA	PPD	54	1	5		69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

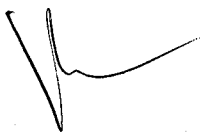
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	5	5	31	371	20	5		
2	PPD	16	18	144	1.085	60	17		
TOTAL		21	23	175	1.456	80	22		
WEIGHT KG				175	1.456	80			

GRAND TOAL: 1.711 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 14:30
FLIGHT: 7	TO: P11 - AMD	CREW: Linh - N.ANH - Vũ	ETA: 16:20
XANH-4			

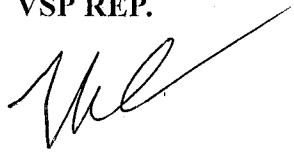
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SOKOLOVA G.	P11	03	1	9		62	NIPI	Russian
2	HY TAC SANG	AMD	79-80	2	14		70	TLJOC	Vietnamese
3	NGUYEN CONG KHANH	AMD	74	1	8		82	HLJOC	Vietnamese
4	ĐO ĐỨC THỊNH	AMD	76	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
5	TRƯỜNG LÊ ANH DŨNG	AMD	68-69	2	20		90	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NAM TRUNG	AMD	65	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN VINH	AMD	72	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
8	TÀNG VĂN BA	AMD	70-71	2	10		74	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐOÀN QUỐC VIỆT	AMD	66-67	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN LÊ DUY LÊ	AMD	64	1	9		79	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG ĐÌNH VINH	AMD	81-82	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
12	DƯƠNG PHÁT	AMD	77-78	2	16		75	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐÌNH CÔNG HOANG	AMD	73	1	4		56	PSV	Vietnamese
14	ĐO HUY KHANH	AMD	75	1	6		80	PSV	Vietnamese
15	KHUC NGOC HIU	AMD	84-85	2	19	70	82	PHATECO	Vietnamese
16	PHẠM VĂN TUYẾN	AMD	88	1	8		66	PHATECO	Vietnamese
17	TRẦN VIỆT THUẬN	AMD	83	1	10		66	PHATECO	Vietnamese
18	TRẦN VĂN THUẬN	AMD	86-87	2	11		66	PHATECO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

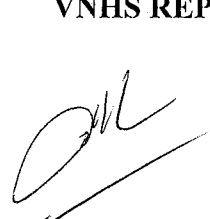
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	1	1	9	62	0	0		
2	AMD	17	25	172	1.221	70	20		
TOTAL		18	26	181	1.283	70	20		
WEIGHT KG				181	1.283	70			

GRAND TOAL: 1.534 KGS

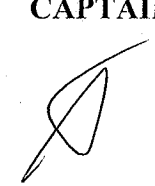
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/10/2023	TO: CTK3 - GTC1 - CTC1	AIRCRAFT: 427	ETD: 14:35
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Dương - ĐNam - QTrưởng	ETA: 16:25
CAM-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN NAM	CTK3	33,49	2	19		56	XAYLAP	Vietnamese
2	TRAN DUC TUAN	CTK3	54	1	10	19	83	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN HUU THO	CTK3	37	1	10	15	74	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐINH HAI DUONG	CTK3	31	1	11		74	XAYLAP	Vietnamese
5	LE TAT THANH	CTK3	36	1	13		73	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAN VAN TUAN	CTK3	47,50	2	12		75	PSV	Vietnamese
7	DO VAN KHANH	CTK3	22	1	3		71	PSV	Vietnamese
8	TRAN DINH MINH	CTK3	27,41	2	7		83	PSV	Vietnamese
9	LE VAN MINH	CTK3	533	1	4		83	PSV	Vietnamese
10	TRAN HUNG ANH	CTK3	53	1	6		68	PSV	Vietnamese
11	LE THANH TUNG	CTK3	28	1	8		76	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN MINH HOANG	CTK3	32	1	5		71	PSV	Vietnamese
13	LE DANG MINH DUC	CTK3	26	1	9		88	KH-THAC	Vietnamese
14	LE TRI HAO	GTC1					64	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN HUU TAN	GTC1	28	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN HONG MINH	GTC1	29	1	8		92	KH-THAC	Vietnamese
17	DANG TRAN KHANH	GTC1	22	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN VAN CHUNG	GTC1	32-33	2	10		81	ANTOAN	Vietnamese
19	DO CONG TIEN	GTC1	30-31	2	19		74	ANTOAN	Vietnamese
20	NGUYEN NGOC THANH	GTC1	25	1	10	18	59	T-TIN	Vietnamese
21	PHAN VAN LE	GTC1	23-24	2	12		61	T-TIN	Vietnamese
22	LE QUANG HA	GTC1	27	1	6	20	77	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	13	16	117	975	34	13		
2	GTC1	9	11	79	657	38	6		
3	CTC1	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	27	196	1.632	72	22		
WEIGHT KG				196	1.632	72			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/10/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P9+BK3+BK5	7:25	21+0+0	0+0+0		14+0+0	0+0+0	chuyenchuyen 1 p9-bk3; 4 bk3-bk5;
2		CNV-CLO-BK14	7:25	10+0+7	0+0+0		0+9+9	0+0+0	
3		TD2+RC10+P1	9:25	22+0+0	0+0+0		18+0+4	0+0+0	chuyen 2 TD2 - RC10
4		MRM+P8+TD2	9:25	8+6+8	0+0+0		0+0+12	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/10/2023	TO: P9 - BK3 - BK5	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: <u>Hoan</u> - MTHAO - THU	ETA: 09:20
xanh-1			

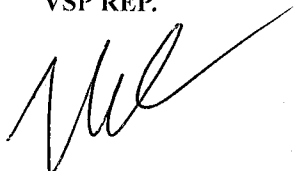
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	FIRSOV EVGENII	P9	21	1	10		102	KHOAN	Russian
2	NGUYEN VAN TRUONG	P9	08-09	2	7		82	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN THAI DUONG	P9	06	1	5		52	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN MANH TINH	P9	07	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
5	ĐO VÂN PHAN	P9	25	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
6	ĐAU CAO KHANG	P9	22	1	10		55	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN DUY LINH	P9	15-16	2	12		95	KHOAN	Vietnamese
8	LE THANH NGOC	P9	26-27	2	15		50	KHOAN	Vietnamese
9	PHAN VAN THANH	P9	05	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN CONG HOAN	P9	17	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
11	NGO HONG GIANG	P9	04	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN VAN HUNG	P9	14	1	3		58	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN VAN BINH	P9	23	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
14	TELESHENKO IVAN	P9	24	1	17		119	KHOAN	Russian
15	TRAN QUANG HUY	P9	18	1	15		80	DVL	Vietnamese
16	ĐOAN MINH DAT	P9	12-13	2	12		75	DVL	Vietnamese
17	NGUYEN THIEU BINH	P9	28-29	2	15		65	DVL	Vietnamese
18	ĐOAN PHUC HOANG	P9	19-20	2	19		70	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN VIET HUNG	P9	10-11	2	10		63	DVL	Vietnamese
20	PHAM VAN TUONG	P9	02	1	5		82	DVL	Vietnamese
21	HO MINH XUAN	P9	03	1	5		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	21	28	194	1.552	0	14	+12	CHUYEN 01 PAX TU P9 SANG-BK3 CHUYEN 04 PAX TU BK3 SANG BK5
2	BK3	0	0	0	0	20	0	+4	
3	BK5	0	0	0	0	40	0		
TOTAL		21	28	194	1.552	60	14		
WEIGHT KG				194	1.552	60			

GRAND TOAL: 1.806 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: CNV - CLO - BK14	CREW: CHIẾN - ĐNam - Toan	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN NHAT TAN	CNV	28-30	3	19		77	CO DIEN	Vietnamese
2	DANG TIEN TOAN	CNV	26-27	2	19		73	CO DIEN	Vietnamese
3	NGUYEN NAM HOANG	CNV	31	1	11		55	CO DIEN	Vietnamese
4	TRAN PHU	CNV	24-25	2	17		71	CO DIEN	Vietnamese
5	NGUYEN MINH TRUNG	CNV				142	77	CO DIEN	Vietnamese
6	NGUYEN HOANG MINH	CNV					65	CO DIEN	Vietnamese
7	VU TRUNG KIEN	CLO	52	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TIEN QUY	CLO	51	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
9	VU TRUNG NHIEU	CLO	54	1	14	15	53	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN GIA CUONG	CLO	57	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC KIM LONG	CLO	56	1	12		55	KH-THAC	Vietnamese
12	DO MINH HOANG	CLO	53	1	17		74	KH-THAC	Vietnamese
13	TRINH MINH DUC	BK14	45-46	2	17	14	67	XAYLAP	Vietnamese
14	LE VAN LOI	BK14	39-40	2	14		59	XAYLAP	Vietnamese
15	LE HOAI NGUYEN	BK14				23	76	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN HONG TINH	BK14	41-42	2	19		79	XAYLAP	Vietnamese
17	TRAN VAN PHUONG	BK14	47-48	2	19		62	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAM MINH NGAY	BK14	37-38	2	16	37	64	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN SY ANH TU	BK14	49	1	15	23	74	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	6	8	66	418	142	0		thao nghi don cho bay
2	CLO	6	6	76	403	15	3		
3	BK14	7	11	100	481	97	9		
TOTAL		19	25	242	1.302	254	12		
WEIGHT KG				242	1.302	254			

GRAND TOAL: 1.798 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/10/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	TO: TD2 - RC10 - P1	CREW: KHOAN - MTHAO - THU	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO VĂN TUÂN	TD2	59	1	7		70	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
2	BUI QUANG HANH	TD2	64	1	5	35	58	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
3	BUI VIET HANH	TD2	65	1	7	37	45	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH HIEN	TD2	54	1	5		65	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
5	MA ANH TIT	TD2	63	1	5		65	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
6	LÊ THANH NHAN	TD2	66	1	7		70	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
7	VU MẠNH THĂNG	TD2	69	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
8	GONCHAROV SERGEY	TD2	72-73	2	15		100	KHOAN	Russian
9	TRƯỜNG THANH TUNG	TD2	56	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
10	LY ANH TUÂN	TD2	50	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC ĐOÀN	TD2	55	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN HUNG HUNG	TD2	60	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	ĐO VĂN HUNG	TD2	53	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	TD2	61-62	2	12		70	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ XUÂN HẢI	TD2	58	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
16	MAI VĂN HOÀNG	TD2	49	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
17	VU XUÂN PHONG	TD2	67-68	2	15		77	KHOAN	Vietnamese
18	LY XUÂN TRUNG	TD2	57	1	5		65	YTE	Vietnamese
19	VÕ SĨ HOÀI THANH	TD2	70-71	2	12		63	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN VINH	TD2	52	1	15		90	DVL	Vietnamese
21	VU VĂN NAM	TD2	51	1	5		65	DVL	Vietnamese
22	NGUYỄN CHÍ LINH	TD2	48	1	10		70	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	22	26	163	1.548	72	18+	2	CHUYEN 2 PAX TD2-RC10
2	RC10	0	0	0	0	0	0		
3	P1	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	26	163	1.548	72	22		
WEIGHT KG				163	1.548	72			

GRAND TOAL: 1.783 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

Liệu VSP

FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/10/2023	TO: MRM - P8 - TD2	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: CHIẾN - ĐNam - Toan	ETA: 11:45
VANG-2			

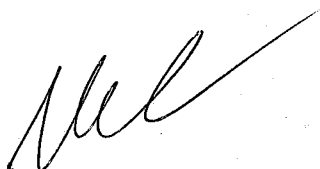
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN TUONG	MRM	80-82	3	19		76	PVD-BH	Vietnamese
2	NGUYEN TUAN DUONG	MRM	78	1	14		83	DVL	Vietnamese
3	VU HAI THANG	MRM	79	1	14		76	DVL	Vietnamese
4	TRAN VAN MANH	MRM	76	1	11		71	DVL	Vietnamese
5	DUONG THE DUC	MRM	75	1	12		80	DVL	Vietnamese
6	PHAM TUNG VY	MRM	73	1	14		70	DVL	Vietnamese
7	LE THANH TRUNG	MRM	77	1	17		70	DVL	Vietnamese
8	HUYNH VU TINH	MRM	74	1	13		64	DVL	Vietnamese
9	TRAN VAN HUY	P8	59	1	15		80	KH-THAC	Vietnamese
10	LE HONG LINH	P8	60	1	12		82	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN DUY KHANH	P8	61-62	2	17	105	77	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM THAI SON	P8	63	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN VINH TRUONG	TD2	39	1	11		68	DVL	Vietnamese
14	LUONG NGOC HOANG	TD2	35	1	7		73	DVL	Vietnamese
15	MAI HUY TU	TD2	32-33	2	12		59	DVL	Vietnamese
16	LE TRUNG HIEU	TD2	36	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
17	HA VAN LINH	TD2	43-44	2	9		92	KHOAN	Vietnamese
18	VU HUU KE	TD2	40-42	3	13		83	KHOAN	Vietnamese
19	LUU DINH MINH	TD2	34	1	14		77	KHOAN	Vietnamese
20	LE HOANG BAO AN	TD2	37-38	2	16		71	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

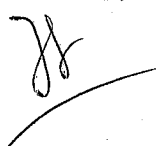
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	8	10	114	590	0	0		
2	P8	4	5	54	317	105	2		
3	TD2	8	13	87	597	0	12		
TOTAL		20	28	255	1.504	105	14		
WEIGHT KG				255	1.504	105			

GRAND TOAL: 1.864 KGS

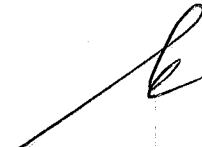
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



Lưu VSP